

Khánh Hòa, ngày 23 tháng 11 năm 2022

QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ NĂM 2022

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) số 62/NQ-ĐH.ĐCĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022,

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế quản trị nội bộ của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa.

Quy chế quản trị nội bộ của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về:

- Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông;
- Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc
- Các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng:

- Cổ đông;
- Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- Tổng giám đốc.

CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 2. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ theo điều 16 Điều lệ công ty.

Điều 3. Triệu tập và tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Việc triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng theo quy định tại điều 19 Điều lệ công ty.

3. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp theo quy định tại Điều 17 Điều lệ công ty.

Điều 4. Điều kiện tiến hành; cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông được áp dụng theo Điều 20 Điều lệ công ty.

2. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông cần mang theo các giấy tờ sau:

- a) Giấy tờ pháp lý;
- b) Giấy ủy quyền (trường hợp được ủy quyền tham dự họp).

3. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, số phiếu biểu quyết và/hoặc Phiếu bầu cử của cổ đông đó, trong đó:

- a) “Thẻ biểu quyết” có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, có đóng dấu treo công ty;

- b) “Phiếu biểu quyết” có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, có đóng dấu treo công ty;
- c) “Phiếu bầu cử” có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, tổng số lượng phiếu bầu, có đóng dấu treo công ty.

4. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 5. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Tất cả các nội dung trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông đều phải thông qua bằng cách lấy ý kiến của tất cả cổ đông, đại diện theo ủy quyền cổ đông tham dự bằng Thẻ/Phiếu biểu quyết hoặc Phiếu bầu cử theo số cổ phần sở hữu hoặc đại diện.

2. Trình tự biểu quyết đối với từng nội dung được đưa ra trước Đại hội:

- a) Tán thành (đồng ý) với nội dung vừa được trình;
- b) Không tán thành (không đồng ý) với nội dung vừa được trình;
- c) Không có ý kiến với nội dung vừa được trình.

3. Phương thức bầu, biểu quyết:

a) Phương thức biểu quyết “Thẻ biểu quyết”: mỗi cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông được phát 01 phiếu biểu quyết trong đó có 03 ý kiến: tán thành, không tán thành, không có ý kiến với từng nội dung biểu quyết. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông đánh dấu “X” vào ô mình chọn. Phương thức này dùng để thông qua các báo cáo và tờ trình tại Đại hội.

b) Phương thức bầu “Phiếu bầu cử”: cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông đánh dấu “X” vào ô có tên của người mình muốn bầu. Phương thức này dùng để bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

c) Phương thức giơ “Phiếu biểu quyết”: khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, mỗi cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết thì giơ thẻ biểu quyết lên cao. Phương thức này dùng để thông qua các nội dung khác, trừ các báo cáo, tờ trình, bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tại Đại hội.

4. Tính hợp lệ của Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử:

a) Về hình thức: Thẻ hoặc Phiếu hợp lệ là Thẻ hoặc Phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, có dấu treo của Công ty, không tẩy xóa, cạo sửa.

b) Về nội dung:

- Thẻ biểu quyết không ghi thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này, đánh dấu “X” bằng bút mực chọn 01 trong 03 ô vuông biểu quyết.

4200
CÔNG
CẤP
KI
NHÀ

- Phiếu bầu cử:

- + Không ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu;
- + Đánh dấu “X” bằng bút mực, không ghi nội dung bằng viết chì, không gạch tên các ứng viên;
- + Phiếu nộp trước khi Ban kiểm phiếu mở niêm phong thùng phiếu.

5. Giám sát và ghi nhận kết quả biểu quyết, kiểm phiếu:

- a) Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm giám sát và ghi nhận kết quả biểu quyết, kiểm phiếu. Số thành viên của Ban Kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
- b) Ban Kiểm phiếu chịu trách nhiệm giám sát việc biểu quyết của các cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự phiên họp và kiểm tra số Thẻ/ Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử của từng nội dung; ghi nhận và báo cáo kết quả biểu quyết, bầu cử tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 6. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Việc thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông quy định tại điều 22 Điều lệ công ty.

2. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

Điều 7. Nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông

1. Việc lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại điều 24 Điều lệ công ty công ty.

2. Trong thời gian 24 giờ kể từ khi thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, trên các phương tiện sau:

- a) Trang thông tin điện tử của Công ty;
- b) Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN;
- c) Trang thông tin điện tử của Sở GDCK.

Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp.

Điều 8. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại điều 23 Điều lệ công ty.

Điều 9. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến.

1. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị có thể quyết định hình thức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến. Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ áp dụng các biện pháp công nghệ hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, biểu quyết thông qua bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc các hình thức khác phù hợp với cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.
2. Cổ đông thực hiện ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến theo quy định tại Điều 17 Điều lệ công ty.
3. Cổ đông phải đăng ký thông tin số điện thoại, địa chỉ liên lạc và/hoặc địa chỉ thư điện tử chính xác để đảm bảo nhận được thư thông báo tài khoản tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký với Công ty.
4. Cổ đông sẽ sử dụng tài khoản truy cập do Công ty hoặc Bên cung cấp dịch vụ do Công ty thuê cung cấp và thực hiện họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử cho tất cả các đợt biểu quyết của Công ty mà cổ đông được quyền bỏ phiếu.
5. Cổ đông phải có trách nhiệm bảo mật các tên truy cập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác do Công ty hoặc Bên cung cấp dịch vụ do Công ty thuê cung cấp để đảm bảo rằng chỉ có cổ đông mới tham dự họp Đại hội/ bỏ phiếu điện tử trên hệ thống do Công ty hoặc Bên cung cấp dịch vụ do Công ty thuê cung cấp. Kết quả bỏ phiếu được Công ty hoặc Bên cung cấp dịch vụ do Công ty thuê thống kê trên cơ sở tên truy cập, mật khẩu và các yếu tố định danh của cổ đông và mặc nhiên được coi là ý chí biểu quyết của cổ đông. Cổ đông chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Công ty về kết quả bỏ phiếu điện tử được thực hiện thông qua tài khoản truy cập của cổ đông trên hệ thống họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến/ bỏ phiếu điện tử do Bên cung cấp dịch vụ cung cấp.
6. Hội đồng quản trị ban hành và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Quy chế về việc tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến cùng với tài liệu mời họp Đại hội đồng cổ đông trước ít nhất 21 ngày tính từ thời điểm khai mạc Đại hội, với nội dung cơ bản như sau:
 - a. Hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục tổ chức và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức họp trực tuyến;

- b. Quy định cách thức bỏ phiếu điện tử, gửi phiếu biểu quyết thông qua thư/fax/thư điện tử và các hình thức biểu quyết tương đương khác để cổ đông có thể thực hiện quyền biểu quyết của mình tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến;
- c. Các nội dung khác liên quan đến tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 10. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Việc yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại điều 25 Điều lệ công ty công ty.
2. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.
3. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng Tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Vai trò; quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 28 Điều lệ công ty.
3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị áp dụng theo quy định tại Điều 29 Điều lệ công ty.

Điều 12. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị áp dụng theo Điều 26 Điều lệ công ty.
2. Thành phần và nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị áp dụng theo Điều 27 Điều lệ công ty.
3. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị: Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định

tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong điều lệ. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm;

5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp. Trừ trường hợp quy định khoản 4 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

6. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 13. Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì bầu chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp mà có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị;

b) Cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó;

c) Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

4. Việc bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị được thực hiện khi có Quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

6. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội

đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 14. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải tổ chức họp ít nhất mỗi quý 01 lần theo trình tự và thủ tục được quy định tại Điều 31 Điều lệ công ty.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng. Chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản ký tên vào biên bản cuộc họp; trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 15. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người làm người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Số lượng và nhiệm kỳ của người phụ trách công ty do Hội đồng quản trị quyết định.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V. BAN KIỂM SOÁT VÀ KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 16. Vai trò; quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.

2. Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và Điều 40 Điều lệ công ty.

3. Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát áp dụng theo quy định tại Điều 43 Điều lệ công ty.

Điều 17. Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định tại Điều 37 Điều lệ công ty.

2. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

4. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều 18. Cách thức bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm kiểm soát viên

1. Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên được thực hiện tương tự Khoản 3 Điều 11 của Quy chế này.

2. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát:

a) Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

- Có đơn từ chức và được chấp thuận.

b) Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

- Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

- Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

3. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 19. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số Kiểm soát viên. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

CHƯƠNG VI. TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 20. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

2. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 4 Điều 36 Điều lệ công ty.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định. Tiền lương của Tổng giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 21. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị làm Tổng giám đốc.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc áp dụng theo quy định tại Khoản 5 Điều 162 Luật Doanh nghiệp.

4. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

5. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG VII. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 22. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị mời Ban kiểm soát tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng Quản trị.

2. Tại các cuộc họp quan trọng, Trưởng Ban kiểm soát có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát.

3. Tại các cuộc họp quan trọng, Tổng Giám đốc có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tham dự.

4. Thư mời họp phải có đầy đủ nội dung chương trình họp kèm tài liệu họp (nếu có) và phải được chuyển đến người được mời ít nhất 03 ngày làm việc trước khi cuộc họp diễn ra. Thành viên được mời họp dự thính có thể tham gia thảo luận, ý kiến khi được Chủ tọa phiên họp cho phép nhưng không có quyền biểu quyết trong cuộc họp. Biên bản, quyết định, nghị quyết cuộc họp được gửi cho các thành viên tham dự phiên họp (bao gồm cả thành viên họp dự thính) trong thời gian 05 ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.

Điều 23. Thông báo văn bản của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

Bản sao các nghị quyết, quyết định và các văn bản khác của Hội đồng quản trị sẽ được chuyển đến cho Ban kiểm soát và Tổng giám đốc trong thời hạn năm 05 ngày làm việc sau khi cuộc họp của Hội đồng quản trị kết thúc.

Điều 24. Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị;

Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty và những vấn đề không thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc và Ban kiểm soát.

Điều 25. Vấn đề báo cáo và cung cấp thông tin

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý các cấp phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát. Yêu cầu phải được lập thành văn bản có chữ ký của Trưởng Ban kiểm soát.

2. Khi cần thiết, Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu các thành viên Ban Tổng giám đốc cũng như cán bộ quản lý các cấp báo cáo về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

3. Tổng Giám đốc phải cung cấp bằng văn bản các báo cáo, thông tin sau cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát:

- a) Kết quả thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh, đầu tư và các chỉ tiêu tài chính, so sánh với kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua (theo định kỳ hàng tháng, hàng quý, 06 tháng và hàng năm);
- b) Báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động của Công ty theo định kỳ (hàng quý, 06 tháng, 09 tháng, hàng năm) và theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;
- c) Trước 31/3 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch sản xuất, kinh doanh chi tiết cho năm tài chính đó trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 05 năm;
- d) Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

4. Mọi quyết định và các văn bản chỉ đạo điều hành của Tổng Giám đốc hoặc người được ủy quyền, Kế toán trưởng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty đều phải được gửi đến Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát 01 bản để báo cáo.

Điều 26. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và Tổng Giám đốc

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty, quy chế hoạt động và kế hoạch hành động chung.

2. Trường hợp cần thiết, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc có thể thông tin ngay (trực tiếp hoặc qua điện thoại, email) cho nhau, đảm bảo giải quyết công việc hiệu quả và thuận lợi.

3. Hội đồng quản trị tạo điều kiện cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác tham gia các khóa đào tạo, hội nghị, hội thảo, khảo sát trong và ngoài nước nhằm trau dồi trình độ chuyên môn, nâng cao kiến thức quản trị, điều hành. Việc tham gia các khóa đào tạo, hội nghị, hội thảo, khảo sát nêu trên không được ảnh hưởng đến công việc chung của Công ty.

CHƯƠNG VIII. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG,

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 27. Đánh giá hoạt động

1. Phương thức đánh giá hoạt động:

a) Tùy thuộc vào quy định của Hội đồng quản trị, công tác đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng có thể được tiến hành theo một hoặc một số phương thức sau:

- Tự nhận xét, đánh giá;
- Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm;
- Cách thức khác do Hội đồng quản trị lựa chọn vào từng thời điểm.

b) Đối với cán bộ quản lý cấp trung và cấp cơ sở, Tổng Giám đốc quyết định phương thức, quy trình tổ chức và thực hiện đánh giá hoạt động, báo cáo Hội đồng quản trị kết quả thực hiện đánh giá.

2. Tiêu chí đánh giá hoạt động:

a) Hội đồng quản trị đánh giá kết quả hoạt động của mỗi thành viên định kỳ hàng năm dựa theo chức năng, nhiệm vụ Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ Công ty và kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công.

b) Ban Kiểm soát đánh giá kết quả hoạt động của mỗi thành viên định kỳ hàng năm, dựa theo chức năng và nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công.

c) Hội đồng quản trị đánh giá phẩm chất, năng lực, kết quả và hiệu quả điều hành của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, cán bộ quản lý công ty định kỳ hàng năm trên cơ sở đánh giá hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

d) Việc đánh giá hoạt động đối với các cán bộ đảm nhiệm các vị trí quản lý khác được thực hiện hàng năm theo nội dung mô tả công việc, thỏa thuận trong hợp đồng lao động và do Tổng Giám đốc quyết định.

Điều 28. Khen thưởng, kỷ luật

1. Khen thưởng:

a) Thẩm quyền khen thưởng:

- Hội đồng quản trị quyết định khen thưởng đối với các chức danh quản lý do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
- Tổng Giám đốc quyết định khen thưởng đối với các chức danh quản lý do Tổng Giám đốc bổ nhiệm.

b) Chế độ khen thưởng:

- Bằng tiền;
- Bằng hiện vật.

c) Việc khen thưởng đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban điều hành công ty được thực hiện theo Quy chế khen thưởng được Hội đồng quản trị công ty phê duyệt.

d) Việc khen thưởng đối với các chức danh quản lý khác, người lao động được thực hiện theo Quy chế trả lương, thưởng đối với người lao động Công ty.

2. Kỷ luật:

Nguyên tắc, hình thức, trình tự xử lý vi phạm, kỷ luật đối với cán bộ quản lý Công ty thực hiện theo quy định của Công ty và quy định pháp luật lao động.

CHƯƠNG IX. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.
2. Trong quá trình thực hiện quy chế, nếu có những quy định của Điều lệ công ty, pháp luật có liên quan đến hoạt động quản trị nội bộ của Công ty quy định khác hoặc chưa đề cập trong Quy chế này thì những quy định của của Điều lệ công ty, pháp luật có liên quan đó đương nhiên được áp dụng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Vũ Văn Bình